TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 03 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Tô Văn Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 660/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 501/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 405/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1); địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Lê Thanh Q, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/6/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1974, địa chỉ thường trú: số C đường X, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: tổ A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/06/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 05/6/2015, ông Trần Quốc H đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề nghị Ngân Hàng TMCP S (S1) (Ngân hàng) cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng (mười triệu). Căn cứ vào thu nhập của Ông Trần Quốc H, ngày 06/6/2015 ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng (mười triệu) cho Ông Trần Quốc H. Mục đích: tiêu dùng. Lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 2,15%/tháng (lãi suất này thay đổi theo từng thời kỳ), được quy định theo thông báo số 1120/2015/QĐ-TTT do tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S ban hành ngày 06/05/2015.

Ngày 25/6/2018, ông H đã ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề nghị Ngân Hàng yêu cầu nâng hạn mức thẻ tín dụng từ 10.000.000 đồng lên 19.000.000 đồng. Căn cứ vào thu nhập của ông H, ngày 25/6/2018 Ngân hàng đã đồng ý nâng hạn mức thẻ tín dụng lên 19.000.000 đồng (mười chín triệu) cho ông H. Mục đích: tiêu dùng. Lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 2,15%/tháng (lãi suất này thay đổi theo từng thời kỳ), được quy định theo thông báo số 96/2018/QĐ-TTT do tổng giám đốc Ngân Hàng TMCP S2 ban hành ngày 11/01/2018.

Trong quá trình sử dụng thẻ (từ ngày kích hoạt thẻ cho đến ngày nộp hồ sơ khởi kiện), tổng số tiền ông H đã thanh toán cho ngân hàng được thể hiện trong bảng sao kê đính kèm. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Đến ngày 31/5/2024 ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm khoản 5.7 Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực từ ngày 06/12/2023 nên toàn bộ dư nợ của ông H đều đã chuyển nợ quá hạn (theo quy định tại khoản 1.36 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực từ ngày 06/12/2023).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần trao đổi, làm việc và tạo mọi điều kiện để ông H tìm nguồn tiền thanh toán vốn vay, các khoản lãi phát sinh tại Ngân hàng. Nhưng đến thời điểm hiện nay, ông H vẫn không thực hiện thanh toán theo đúng các cam kết với Ngân hàng.

Việc cố tình dây dưa, không thực hiện đúng như cam kết của ông H đã làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng và hợp pháp của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu: Buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ còn tồn đọng tạm tính đến ngày 03/01/2025 là 28.888.101 đồng, cụ thể như sau:

Nợ gốc là 22.219.691 đồng (nợ gốc là số tiền chốt tại ngày 31/05/2024 = (tổng số tiền giao dịch đến ngày 31/05/2024 + phí trễ hạn đến ngày 31/05/2024 + tổng lãi đến ngày 31/05/2024 + phí vượt hạn mức + phí phát sinh đến ngày 31/05/2024) – tổng số tiền khách hàng đã thanh toán). Gồm: tổng số tiền giao dịch

đến ngày 31/05/2024 : 18.966.000 đồng, phí trễ hạn là 677.751 đồng, tổng lãi phát sinh 2.371.843 đồng, phí vượt hạn mức 204.097 đồng;

Lãi quá hạn là 6.668.410 đồng

Ngoài ra, ông H phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ ngày 25/6/2018 kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng.

- *Đối với bị đơn ông* Trần Quốc H*, lời khai trong quá trình tố tụng trình bày:*

Vào ngày 05/6/2015 ông H đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề nghị Ngân hàng TMCP S (S1) cấp 01 thẻ tín dụng với hạn mức 10.000.000 đồng (mười triệu). Mục đích: tiêu dùng. Lãi suất tại thời điểm cấp thẻ: 2,15%/tháng (lãi suất này thay đổi theo từng thời kỳ), được quy định theo thông báo số 1120/2015/QĐ-TTT do Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S ban hành ngày 06/5/2015.

Ngày 25/6/2018 ông H đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề nghị Ngân hàng yêu cầu nâng hạn mức thẻ tín dụng từ 10.000.000 đồng lên 19.000.000. Mục đích: tiêu dùng.

Ông H không đồng ý trả tổng số tiền cả gốc và lãi mà chỉ đồng ý trả số tiền gốc theo hạn mức tín dụng 19.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ ngày 25/6/2018.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Quốc H thanh toán nợ gốc, nợ lãi đối với khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05/06/2015 giữa ông Trần Quốc H với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bị đơn ông Trần Quốc H cư trú tại tổ A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Quốc H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa ngày 16/12/2024 và ngày 03/01/2024 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05/06/2015 được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và ông Trần Quốc H đã ký kết, thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn vay, mục đích, lãi suất vay... phù hợp với quy định của pháp luật. Ông Trần Quốc H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ trách nhiệm pháp lý khi ký kết hợp đồng nên có hiệu lực bắt buộc và các bên phải thực hiện. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông H số tiền là 19.000.000 đồng (M chín triệu) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/6/2018. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng thẻ, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vi phạm khoản 5.7 Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực từ ngày 06/12/2023 nên toàn bộ dư nợ của ông H chuyển thành dư nợ quá hạn (theo quy định tại khoản 1.36 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực từ ngày 06/12/2023). Tuy nhiên, về phía ông H chỉ đồng ý trả số tiền gốc đã sử dụng là 19.000.000 đồng, không đồng ý trả tổng số tiền lãi như Ngân hàng đã yêu cầu.

Xét thấy, Ngân hàng đã giải ngân theo đúng thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/6/2018, ông H đã nhận được số tiền trên và sử dụng vào mục đích của mình, do đó, ông H có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi suất hàng tháng theo quy định tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực từ ngày 06/12/2023. Việc Ngân hàng chấm dứt hợp đồng khi ông H có hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán là phù hợp sự thỏa thuận của các bên khi ký kết thỏa thuận vay tiền. Nhận thấy các yêu cầu của Ngân hàng về: vốn gốc, phí trễ hạn, lãi phát sinh, phí vượt hạn mức, lãi quán hạn, lãi phù hợp theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực từ ngày 06/12/2023 nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng và không chấp nhận ý kiến của ông H.

[2.2] Về phía Ngân hàng yêu cầu ông H phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng tòa bộ số nợ còn nợ tính đến ngày 03/01/2025 là 28.888.101 đồng, cụ thể như sau: Vốn gốc: 22.219.691 đồng; Phí *trễ hạn đến ngày 31/05/2024 là 677.751 đồng, tổng lãi phát sinh đến ngày 31/05/2024 là 2.371.843 đồng, phí*

vượt hạn mức đến ngày 31/05/2024 là 204.097 đồng và L quá hạn là 6.668.410 đồng.

Ngoài ra, ông H phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ ngày 25/6/2018 kể từ ngày 04/01/2025 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc H phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Trần Quốc H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Trần Quốc H thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 số tiền tạm tính đến ngày 03/01/2025 là 28.888.101 đồng, cụ thể như sau: Vốn gốc: 22.219.691 đồng; Phí *trễ hạn đến ngày 31/05/2024 là 677.751 đồng, tổng lãi phát sinh đến ngày 31/05/2024 là 2.371.843 đồng, phí vượt hạn mức đến ngày 31/05/2024 là 204.097 đồng và* L quá hạn là 6.668.410 đồng.

Kể từ ngày 04/01/2025 ông Trần Quốc H phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ ngày 25/6/2018 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc H phải chịu số tiền 1.444.405 đồng (một triệu bốn trăm bốn mươi bốn bốn nghìn bốn trăm lẻ năm đồng). Trả lại

cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 số tiền 565.480 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001536 ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên